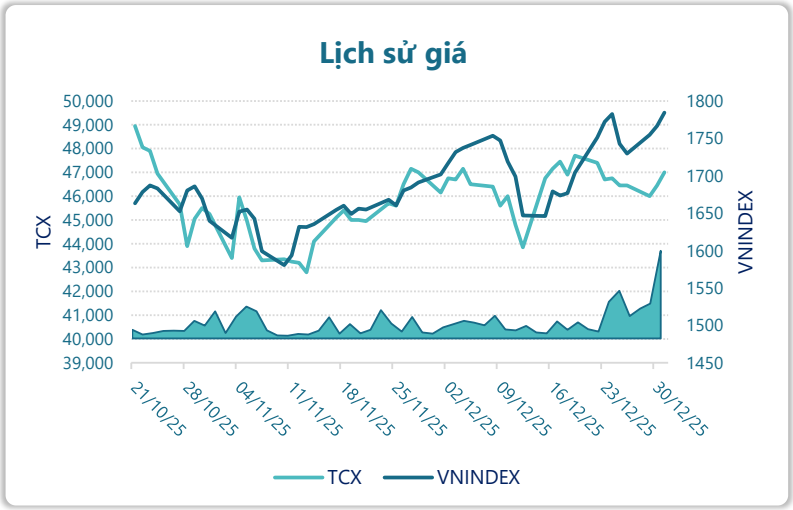
FireAnt

CTCP Chứng khoán Kỹ thương (HSX: TCX)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**47,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	48,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	42,800
SL cổ phiếu LH	2,311,308,021
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,968,375
% sở hữu nước ngoài	9.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	108,631
P/E	19.1
EPS	2,459

DT thuần

Q4/25

1,133

tỷ VNĐ

QoQ: ▼35.0| -3.0%

YoY: ▲ 501| 79.3%

LN sau thuế

Q4/25

1.65

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.19| 259%

YoY: ▲ 1.40| 561%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

321%

+/- YoY: ▼ 7.4%

DT thuần

2025

3,662

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,213| 49.5%

LN sau thuế

2025

3.68

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.43| 1367%

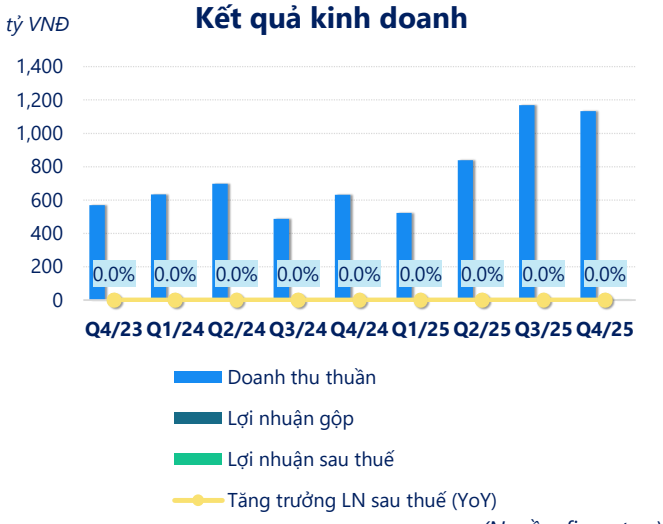
ROE

2025

#VALUE!

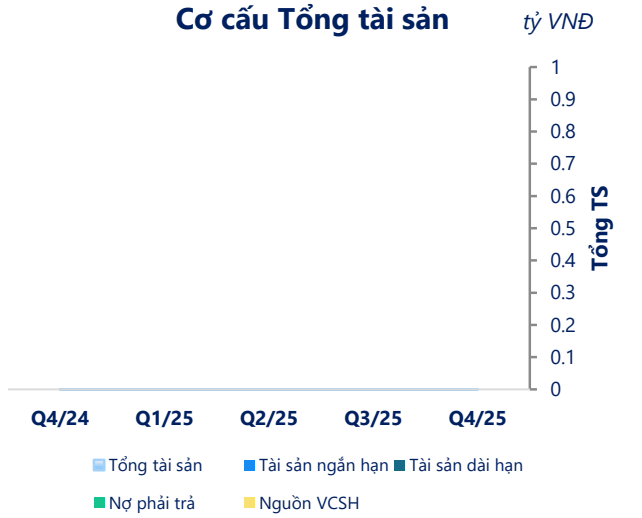
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



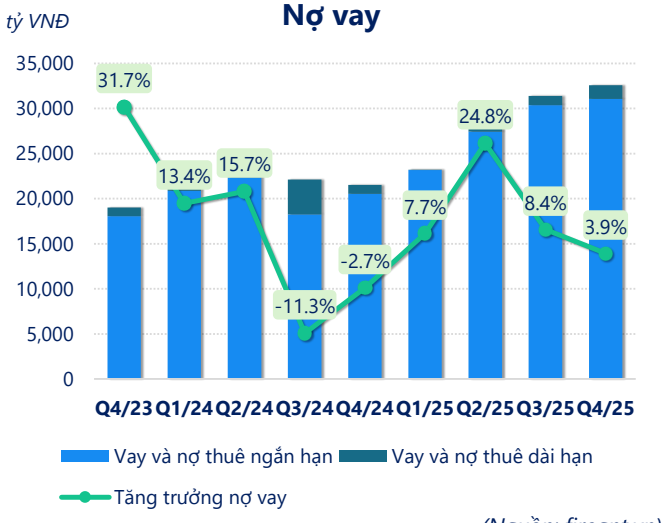
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



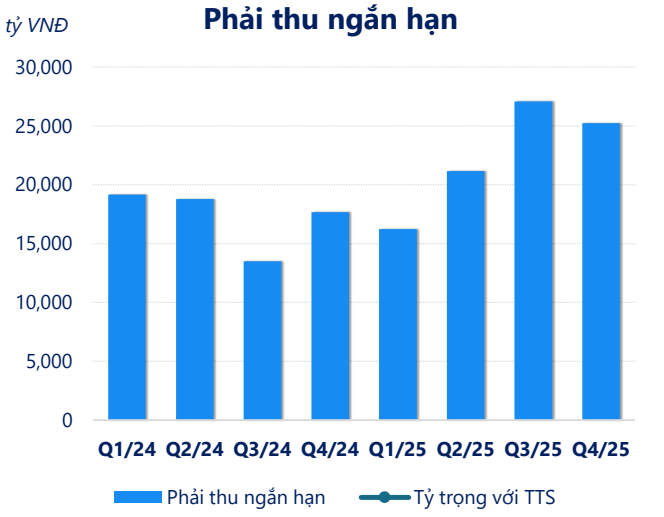
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



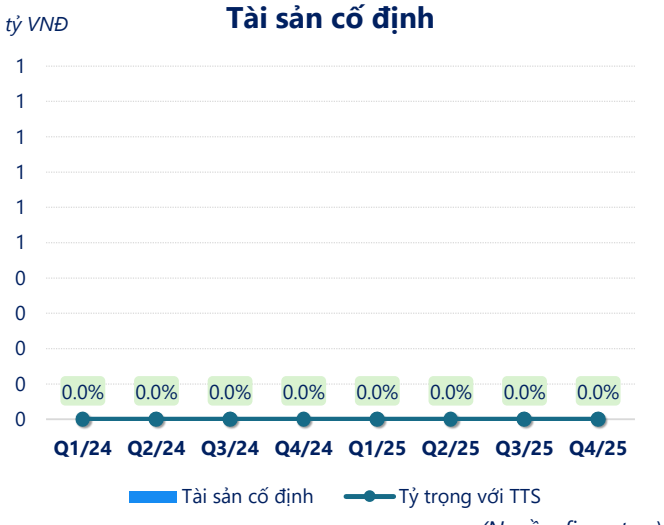
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



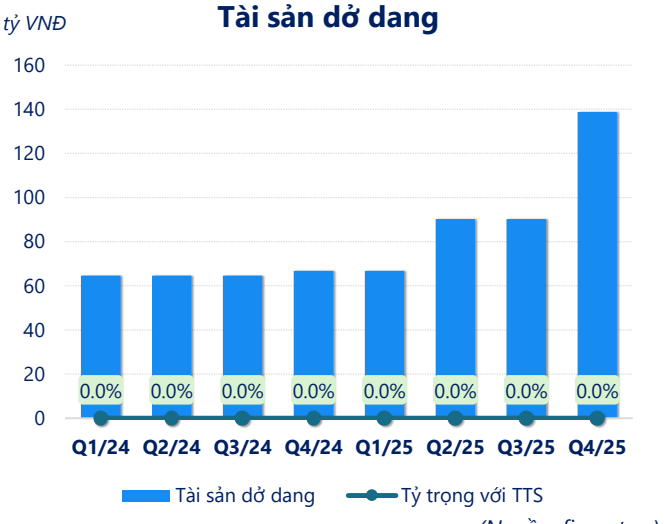
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



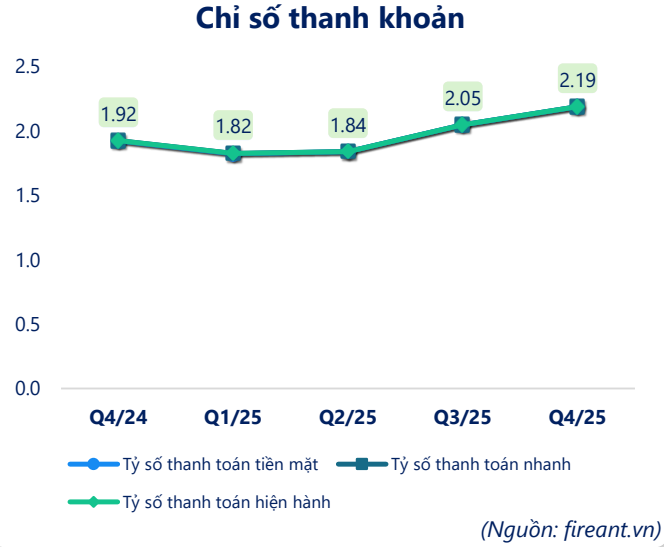
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



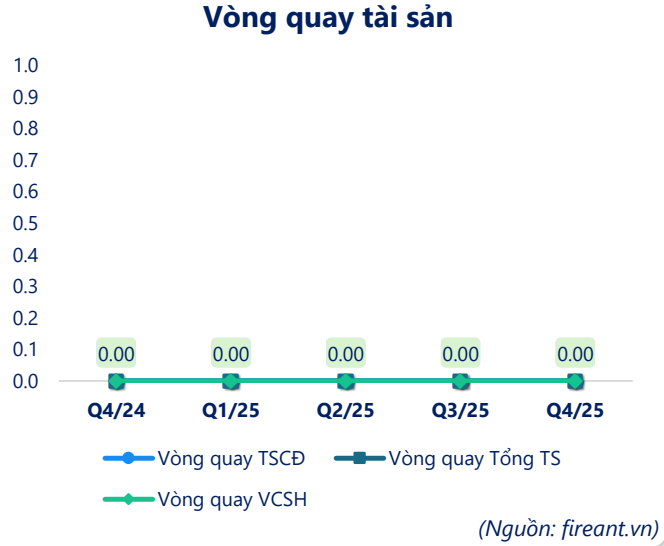
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Tài sản ngắn hạn	**49,895**	**52,969**	**61,741**	**78,383**	**76,613**
Tiền và tương đương tiền	49,842	52,883	61,689	78,349	76,597
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	37.0	87.0	161	0
Phải thu ngắn hạn	17,671	16,229	21,172	27,079	25,218
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**52.7**	**84.3**	**49.7**	**31.2**	**13.4**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0.00	0.01
Tài sản cố định	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	66.8	66.8	90.2	90.2	139
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	195	195	195	189	183
Lợi thế thương mại	10.0	10.1	10.1	10.1	10.1
Nợ phải trả	**26,947**	**29,035**	**35,071**	**39,295**	**36,533**
Nợ ngắn hạn	**25,934**	**29,025**	**33,564**	**38,289**	**35,017**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20,523	23,175	27,438	30,375	31,080
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	1,013	10.1	1,507	1,006	1,516
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)